TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP. VINH **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2022/QĐST - KDTM	*TP. Vinh, ngày 18 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thụ lý số 77/2021/TLST - KDTM ngày 25/11/2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần X; Địa chỉ: số 72 T, phường N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Tấn L (Tổng giám đốc).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng D (sinh năm 1967, Trú tại xóm 7, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An) và bà Cao Thị Kim A (sinh năm 1996, Trú tại thôn T, xã V, huyện X, tỉnh Hà Tĩnh (là Cán bộ tổ xử lý nợ khu vực miền Bắc) (Văn bản ủy quyền số 110/2022/UQ-TGĐ ngày 17/02/2022).

- *Bị đơn:* Công ty CP thương mại T; Địa chỉ: Khối V (nay là khối V1), phường P, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Công T, sinh năm: 1972, Địa chỉ: Khối V (nay là khối V1), phường P, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Giám đốc Công ty).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1972 và bà Phạm Thị N, sinh năm 1974. Đều có địa chỉ: Khối V (nay là khối V1), phường P, thành phố V, tỉnh Nghệ An;

Đại diện ủy quyền của ông T và bà N: bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957, Địa chỉ: khối H, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Giấy ủy quyền ngày 07/4/2022).

2. Công ty TNHH Vận tải và thương mại Q; Địa chỉ: 161/3 đường C, thành phố V, tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn T (Giám đốc).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về nội dung: Công ty Cổ phần Thương mại T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 07/4/2022 là 15,153,687,757 đồng (Mười lăm tỷ, một trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi bảy đồng (nợ gốc: 4,999,693,560 đồng, nợ lãi trong hạn: 7,094,294,980 đồng, nợ lãi quá hạn: 3,059,699,217 đồng). Trong đó:

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số: 1602-LAV-200900497 và Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1602-LDS-200900573 ngày 02/06/2009 tính đến ngày 07/4/2022 là 3,588,687,221 đồng (nợ gốc: 1,200,000,000 đồng; tiền lãi trong hạn: 1,754,870,000 đồng và tiền lãi quá hạn: 633,817,221 đồng)

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số: 1602-LAV-201100825 và Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1602-LDS-201100943 ngày 03/06/2011 tính đến ngày 07/4/2022 là 7,919,148,612 đồng (nợ gốc: 2,600,000,000 đồng; tiền lãi trong hạn: 3,652,097,220 đồng và tiền lãi quá hạn: 1,667,051,392 đồng.)

- Số tiền nợ của Hợp đồng tín dụng số: 1602-LAV-201101059 và Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 1602-LDS-201101187 ngày 09/7/2011 tính đến ngày 07/4/2022 là 3,645,851,924 đồng (nợ gốc: 1,199,693,560 đồng; tiền lãi trong hạn: 1,687,327,760 đồng và tiền lãi quá hạn: 758,830,604 đồng).

Kể từ ngày 08/4/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên được ký kết giữa Ngân hàng TMCP X và Công ty CP Thương mại T. Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi, lãi suất cho vay thì lãi, lãi suất cho vay được xác định theo thỏa

thuận của các bên và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Trường hợp Công ty CP Thương mại T không trả nợ hoặc trả không đủ nợ thì Ngân hàng TMCP X có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp sau để thu hồi nợ:

1. Máy đào bánh xích hiệu KOMATSUPC200-3, biển số 37XA-0154 (Giấy chứng nhận đăng ký số 00266/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/05/2009 tên chủ sở hữu là Công ty CP Thương mại T);

2. Máy đào bánh xích hiệu KOMATSUPC200-3, biển số 37XA-0155 (Giấy chứng nhận đăng ký số 00267/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/05/2009 tên chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Thương mại T);

3. Máy ủi bánh xích hiệu KOMATSUD50P-17, biển số 37XA-0156 (Giấy chứng nhận đăng ký số 00268/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/05/2009 tên chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Thương mại T);

4. Máy ủi bánh xích hiệu KOMATSUD60P-8, biển số 37XA-0014 (Giấy chứng nhận đăng ký số 00269/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An cấp ngày 13/05/2009 tên chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Thương mại T)

(Các tài sản trên được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản (tài sản là phương tiện vận tải, Khách hàng giữ tài sản) số: 0146/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 19/05/2009)

5. Máy đào bánh xích hiệu KOMATSU PC400-6E biển số 37XA-0166 (Giấy chứng nhận đăng ký số 00281/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/05/2009 tên chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Thương mại T). (Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 00155/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 02/06/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 31/5/2011).

6. Máy đào bánh xích hiệu KOBELCO-SK1602 biển số 37XA-0165 (Giấy chứng nhận đăng ký số 00280/XMCD do Sở Giao thông vận tải tỉnh Nghệ An cấp ngày 30/05/2009 tên chủ sở hữu là Công ty Cổ phần Thương mại T). (Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 00156/EIBV-TD/BĐTS/09 ngày 05/06/2009 và Phụ lục hợp đồng ngày 31/5/2011).

7. Quyền sử dụng thửa đất số 179, tờ bản đồ số 21 và tài sản gắn liền với đất tại Khối V, phường D (nay là khối V1, phường P) thành phố V, tỉnh Nghệ An đứng tên

hộ ông Nguyễn Công T theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Q 198064, vào sổ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ số 00192.QSDĐ/695 QĐ/UB(T)2000 do UBND TP. Vinh, tỉnh Nghệ An cấp ngày 09/10/2000. (Tài sản được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số 00172/EIBV-TD/BĐTS/10 ngày 30/06/2010 và Phụ lục hợp đồng ngày 31/5/2011).

Công ty cổ phần thương mại T có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với các tài sản thế chấp trong vụ án.

2. Về án phí: Công ty CP Thương mại T phải chịu 61.576.844 đồng (sáu mươi mốt triệu, năm trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm bốn mươi bốn đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền 62.000.000 đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP Vinh theo biên lai số 0009682 ngày 23/11/2021.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hồng Nhung